

Hanyu

XINBIAN
XIANDAI
HANYU
CIDIAN

新编

现代汉语词典

XINBIAN XIANDAI HANYU CIDIAN

主编 欧少亭

延边人民出版社

新华书店 上海分店
发行 上海书店

新编现代汉语词典

主编：欧少亭

(上卷)

江苏工业学院图书馆
藏书章

延边人民出版社

责任编辑:安石峰

版式设计:李 亮

图书在版编目(CIP)数据

新编现代汉语词典/欧少亭主编. —延吉:延边人民出版社,2002.7

ISBN 7-80648-769-7

I.新… II.欧… III.汉语-现代-词典

IV.H164

中国版本图书馆 CIP 数据核字(2002)第 026956 号

新编现代汉语词典(全二册)

欧少亭 主编

出版:延边人民出版社

印刷:北京泽明印刷有限责任公司

787×1092 毫米 16 开

2002 年 7 月第 1 版

经销:全国新华书店

印数:1-2000 册

96 印张 2400 千字

2002 年 7 月第 1 次印刷

ISBN 7-80648-769-7/H·76

定价:498.00 元

编辑委员会

主 编：欧少亭

副 主 编：于恩浩 王 云 李淑凤

语言顾问：吴东魁 李庚辰 官景辉

编 委：(排名不分先后)

徐 斌	侯雯崧	丁丽真	宋连媛	姚美丽
何素艳	王月明	任用良	王 珂	王 忠
陈 琳	刘风光	马立冬	陈 静	刘玲玲
葛金花	李 静	李 杰	牛卫红	吕 乐
冯永坚	孔祥雄	杨坚石	李 晓	黄 伟
李 丹	吴占中	张国臣	张保东	康 龙
杜永生	冯东阳	郭海波	王富荣	刘 伟
武建魁	杨晓臣	禹 航	付小娟	李晓燕
郑高飞	刘 微	王海洋	王 雪	杨长波
宋学明	卫丽丽	卫丽红	李 丹	陈改红
杨 霞	张庆朋	崔艳辉	许新宇	赵艳红

技术编辑：崔保成 马 凝

出版说明

《新编现代汉语词典》是以记录普通话语汇为主的大型汉语词典，适合各种不同文化水平的读者使用。本词典供收入单字条目和多字条目十余万条，内容涵概了政治、经济、贸易、科技、文化、教育、法律、旅游、体育、广告、艺术等各个领域，并收录了各行业中涌现出的新词及专业术语，以适应现代生活、工作之需要。

这部词典是为推广普通话、促进汉语规范化服务的，在字形、词形、注音、释义等方面都力求规范统一、并遵守国家有关汉语言使用规范及法规。

《新编现代汉语词典》的编纂得到了一些科研机构、大专院校、机关团体的大力支持与协助，在此谨向其表示衷心感谢。

限于编纂人员的水平，本词典中难免有不足之处，望广大读者多提宝贵意见，以便修订。

本书编纂委员会

2002年7月

总 目

正文目录	(1 ~ 17)
词典正文	(1 ~ 1203)
附录一:世界各国、地区、首都(或首府)及货币名称表 ...	(1205 ~ 1230)
附录二:联合国主要机构	(1231 ~ 1232)
附录三:天干地支	(1233)
附录四:二十四节气	(1234)
附录五:度量衡单位简表	(1235 ~ 1236)
附录六:中国历史年代简表	(1237 ~ 1239)
附录七:中国法定计量单位简表	(1240 ~ 1245)
附录八:汉语拼音方案	(1246 ~ 1248)

汉语拼音索引

A

ā	1
á	1
ǎ	1
à	1
āi	1
ái	2
ǎi	2
ài	2
ān	3
ǎn	5
àn	5
āng	7
áng	7
àng	7
āo	7
áo	8
ǎo	8
ào	8
bā	10
bá	11
bǎ	11
bà	12

B

ba	12
bāi	13
bái	13
bǎi	15
bài	17
bān	18
bǎn	19
bàn	20
bāng	22
bǎng	23
bàng	23
bāo	24
báo	25
bǎo	26
bào	28
bēi	31
běi	32
bèi	33
bēn	35
běn	35
bèn	36
bēng	37
béng	37
běng	37
bèng	37
bī	37
bí	37
bǐ	38
bì	40
biān	44

biǎn	45	cè	80
biàn	46	cèi	82
biāo	49	cēn	82
biǎo	50	cén	82
biào	52	cēng	82
biē	52	céng	82
bié	52	cèng	82
biě	53	chā	82
biè	53	chá	84
bīn	53	chǎ	85
bìn	54	chà	85
bīng	54	chāi	86
bǐng	56	chái	86
bìng	57	chǎi	87
bō	58	chài	87
bó	60	chān	87
bǒ	62	chán	87
bò	62	chǎn	88
bū	63	chàn	89
bú	63	chāng	89
bǔ	63	cháng	90
bù	64	chǎng	92
bū	64	chàng	93
bū	64	chāo	94
bū	64	cháo	95
bū	64	chǎo	96
bū	64	chào	96
bū	64	chē	96
bū	64	chě	97
bū	64	chè	98
bū	64	chēn	98
bū	64	chén	98
bū	64	chěn	101
bū	64	chèn	101
bū	64	chēng	101
bū	64	chéng	102
bū	64	chěng	107
bū	64	chèng	107
bū	64	chī	107
bū	64	chí	109
bū	64	chǐ	110

chì	111	cú	141
chōng	112	cù	142
chóng	114	cuān	142
chǒng	115	cuán	142
chòng	115	cuàn	142
chōu	115	cūi	143
chóu	116	cuǐ	143
chǒu	118	cùi	143
chòu	118	cūn	144
chū	118	cún	144
chú	123	cǔn	145
chǔ	124	cùn	145
chù	125	cuō	145
chuā	126	cuó	145
chuāi	126	cuò	146
chuái	126		
chuǎi	126		
chuài	126		
chuān	126		
chuán	127		
chuǎn	129		
chuàn	129		
chuāng	129		
chuáng	130		
chuǎng	130		
chuàng	130		
chuī	131		
chuí	132		
chūn	132		
chún	134		
chǔn	134		
chuō	135		
chuò	135		
cī	135		
cí	135		
cǐ	138		
cì	138		
cōng	139		
cóng	139		
còu	140		
cū	141		
		dā	147
		dá	147
		dǎ	148
		dà	151
		dāi	158
		dǎi	158
		dài	158
		dān	161
		dǎn	163
		dàn	163
		dāng	164
		dǎng	166
		dàng	166
		dāo	167
		dáo	168
		dǎo	168
		dào	169
		dē	171
		dé	171
		de	172
		děi	173
		dèn	173

dēng	173
děng	174
dèng	175
dī	175
dí	176
dǐ	177
dì	178
diǎ	183
diān	183
diǎn	184
diàn	185
diào	190
diǎo	190
diào	191
diē	192
dié	193
dīng	193
dǐng	194
dìng	195
diū	197
dōng	197
dǒng	199
dòng	199
dōu	201
dǒu	202
dòu	202
dū	204
dú	204
dǔ	206
dù	206
duān	207
duǎn	208
duàn	208
duī	210
duì	210
dūn	212
dǔn	213
dùn	213
duō	214
duó	215
duǒ	215

duò	216
ē	216
é	216
ě	217
è	217
e	219
é	219
ě	219
è	219
ēn	219
èn	219
ér	219
ěr	220
èr	222
fā	223
fá	225
fǎ	226
fà	227
fān	227
fán	229
fǎn	230
fàn	232
fāng	234
fáng	235
fǎng	237
fàng	237
fēi	239
féi	241
fěi	242
fèi	242
fēn	244
fén	246
fěn	247

fèn	247	gōng	286
fēng	248	gǒng	293
féng	253	gòng	293
fěng	253	gōu	294
fèng	253	gǒu	295
fó	254	gòu	296
fǒu	254	gū	297
fū	255	gǔ	299
fú	255	gù	302
fǔ	259	guā	304
fù	260	guǎ	305
18E		guà	305
88E		guāi	306
48E		guǎi	307
284		guài	307
gā	266	guān	307
gá	266	guǎn	310
gāi	266	guàn	311
gǎi	267	guāng	312
gài	268	guǎng	314
gān	269	guàng	315
gǎn	271	guī	315
gàn	273	guǐ	317
gāng	274	guì	318
gǎng	275	gǔn	318
gàng	275	gùn	319
gāo	275	guō	319
gǎo	278	guó	320
gào	279	guǒ	323
gē	280	guò	324
gé	281	22E	uòr
gě	283	22E	uòr
gè	283	22E	ur
gěi	284	22E	ur
gēn	284		
gén	285	hā	326
gěn	285	há	326
gèn	285	hǎ	326
gēng	285	hà	326
gěng	286	hāi	326
gèng	286	hái	326
		hǎi	327

huān	369
huán	370
huǎn	371
huàn	371
huāng	373
huáng	373
huǎng	376
huàng	377
huī	377
huí	378
huǐ	380
huì	381
hūn	383
hún	384
hùn	385
huō	385
huó	386
huǒ	387
huò	390
J	
jī	391
jí	397
jǐ	401
jì	402
jiā	407
jiá	410
jiǎ	411
jià	412
jiān	413
jiǎn	416
jiàn	419
jiāng	423
jiǎng	424
jiàng	425
jiāo	426
jiáo	429
jiǎo	429
jiào	432

jiē	435	káng	482
jié	437	kàng	482
jiě	440	kāo	483
jiè	441	kǎo	483
jie	443	kào	483
jīn	443	kē	484
jǐn	446	ké	485
jìn	447	kě	486
jīng	450	kè	487
jǐng	455	kēi	489
jìng	456	kěn	489
jiōng	459	kēng	489
jiǒng	459	kōng	490
jiū	459	kǒng	491
jiǔ	459	kòng	492
jiù	461	kōu	492
jū	463	kǒu	492
jú	464	kòu	494
jǔ	465	kū	495
jù	466	kǔ	495
juān	468	kù	496
juǎn	468	kuā	497
juàn	469	kuǎ	497
juē	469	kuà	497
jué	469	kuǎi	498
juè	472	kuài	498
jūn	472	kuān	499
jùn	474	kuǎn	500
ㄐ		kuāng	500
ㄑ		kuáng	500
ㄒ		kuàng	501
ㄓ		kuī	502
ㄔ		kuí	503
ㄕ		kuǐ	503
ㄖ		kuì	503
ㄗ		kūn	504
ㄘ		kǔn	504
ㄙ		kùn	504
ㄖ		kuò	505
kā	475		
kǎ	475		
kāi	475		
kǎi	479		
kài	479		
kān	479		
kǎn	480		
kàn	481		
kāng	481		

L

lāo	505	liáo	540
láo	507	liǎo	541
lǎ	507	liào	542
là	507	liě	542
lái	508	liè	542
lài	509	lín	544
lán	509	lín	544
lǎn	511	lín	546
làn	511	lín	546
láng	512	líng	547
lǎng	512	líng	549
làng	513	líng	550
lǎo	513	liū	551
láo	513	liú	551
lǎo	515	liǔ	554
lào	519	liù	555
lē	519	lóng	555
lè	519	lǒng	557
lēi	520	lòng	557
léi	520	lǒu	557
lěi	521	lǒu	558
lèi	521	lǒu	558
léng	522	lū	559
lěng	522	lú	559
lèng	524	lǔ	560
lǐ	524	lù	561
lí	524	lú	563
lǐ	526	lǔ	564
lì	528	lù	565
liǎ	532	luán	566
lián	532	luǎn	566
liǎn	535	luàn	566
liàn	536	lǜè	567
liáng	537	lūn	567
liǎng	538	lún	567
liàng	539	lùn	568
liāo	540	luō	569
		luó	569
		luǒ	571
		luò	571

mǎo	572	miàn	596
mǎo	572	miāo	597
mǎo	573	miáo	597
mǎo	573	miǎo	598
mǎo	573	miào	598
mǎo	573	miē	598
mǎo	573	miè	598
mǎo	573	mín	599
mǎo	574	mǐn	600
mǎo	576	míng	601
mǎo	576	mǐng	604
mǎo	576	mìng	604
mǎo	576	miù	604
mǎo	577	mō	604
mǎo	578	mó	605
mǎo	578	mǒ	606
mǎo	578	mò	606
mǎo	579	mōu	608
mǎo	580	móu	608
mǎo	580	mǒu	609
mǎo	581	mú	609
mǎo	581	mǔ	609
mǎo	582	mù	610
mǎo	583		
mǎo	584		
mǎo	585		
mǎo	587		
mǎo	588		
mǎo	588		
mǎo	588		
mǎo	590		
mǎo	590		
mǎo	590		
mǎo	591		
mǎo	591		
mǎo	592		
mǎo	592		
mǎo	593		
mǎo	594		
mǎo	595		
mǎo	595		
		nā	613
		ná	613
		nǎ	613
		nà	613
		na	614
		nǎi	614
		nài	615
		nān	616
		nán	616
		nǎn	618
		nàn	618
		nāng	618
		náng	618
		nǎng	618

nàng	619	nǚ	636
nāo	619	nù	637
náo	619	nuǎn	637
nǎo	619	nüè	637
nào	620	nuó	638
né	621	nuò	638
nè	621		
ne	621		
něi	621		
nèi	621		
nèn	623	ō	638
néng	623	ó	638
nī	624	ǒ	638
ní	624	ò	638
nǐ	625	ōu	638
nì	625	ǒu	639
niān	626	òu	640
nián	626		
niǎn	628		
niàn	628		
niáng	629		
niàng	629	pā	640
niǎo	629	pá	640
niào	629	pà	640
niē	630	pāi	641
nié	630	pái	641
niè	630	pǎi	642
nín	630	pài	642
níng	630	pān	643
nǐng	631	pán	643
nìng	631	pàn	644
niū	632	pāng	645
niú	632	páng	645
niǔ	633	pǎng	646
niù	633	pàng	646
nóng	633	pāo	646
nòng	635	páo	647
nòu	635	pǎo	647
nú	635	pào	648
nǚ	636	pēi	649
nù	636	péi	649

pèi	650	qī	678
pēn	652	qí	680
pén	652	qǐ	683
pèn	652	qì	686
pēng	653	qiā	689
péng	653	qiá	690
pěng	654	qiǎ	690
pèng	654	qià	690
pī	655	qiān	690
pí	656	qián	693
pǐ	659	qiǎn	696
pì	659	qiàn	697
piān	660	qiāng	698
pián	661	qiáng	698
piǎn	661	qiǎng	700
piàn	661	qiàng	700
piāo	662	qiāo	701
piáo	663	qiáo	701
piǎo	663	qiǎo	702
piào	663	qiào	703
piē	664	qiē	703
piě	664	qié	704
pīn	664	qiě	704
pín	665	qiè	704
pǐn	665	qīn	705
pìn	666	qín	707
píng	666	qǐn	707
píng	667	qìn	708
pō	671	qīng	708
pó	672	qíng	714
pǒ	672	qǐng	715
pò	672	qìng	716
pōu	674	qióng	716
póu	674	qiū	717
pǒu	674	qiú	718
pū	674	qiǔ	720
pú	675	qū	720
pǔ	676		
pù	677		